

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **44/2017/HSST**
Ngày: 18/7/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hồ Viết Trung**

Ông Nguyễn Duy Khải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Mai Phi Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn V** – Tên gọi khác: D

Sinh năm 1990 tại tỉnh Long An

HKTT: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn Văn S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1957

Tiền sự: Không

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện P (Nay là thị xã P) đã xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 86/2008/HSST ngày 17/10/2008; Ngày 22/3/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 15/2011/HSST, tổng

hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 86/2008/HSST ngày 17/10/2008, V (tức D) phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2017 cho đến nay, “có mặt”.

2. Họ và tên: **Nguyễn Công C** – Tên gọi khác: C1

Sinh năm 1994 tại Bình Phước.

HKTT: Khu phố 2, phường L, thị xã P, Bình Phước.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim C - Sinh năm: 1972

Tiền sự: Tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 17/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 03 tháng đối với Nguyễn Công C do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/3/2016, C đã chấp hành xong quyết định trên theo Giấy chứng nhận số 30/GCN-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P.

Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2017 cho đến nay, “có mặt”

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ch**; sinh năm 1993; Tại: Hòa Bình.

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: Phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1970

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2017 cho đến nay, “có mặt”

4. Họ và tên: **Cao Thanh S** - Tên gọi khác: S1

Sinh năm 1991 tại Bình Phước.

HKTT: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: công nhân.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Cao Thanh L, sinh năm 1955 và bà Lương Thị T (đã chết)

Vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Không

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 32/2013/HSPT ngày 06/02/2013.

Ngày 31/8/2015 được đặc xá theo Giấy chứng nhận đặc xá số 1382/GCNDX của Trại giam An Phước.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2017 cho đến nay, “có mặt”.

*** Người bị hại:**

1. Ông Lưu Văn T – sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.
2. Bà Lê Thị Kiều V – sinh năm 1982 (Vắng mặt)
3. Ông Huỳnh Vũ Quang D – sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn B, xã B, huyện P, Bình Phước
4. Ông Kiều H, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 1, phường P, thị xã P, Bình Phước.
2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1972 (Có mặt)
Trú tại: Khu phố 2, phường L, thị xã P, Bình Phước.
3. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 2, phường L, thị xã P, Bình Phước.
4. Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
5. Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 1, phường L, thị xã P, Bình Phước.
6. Chị Lê Thị Phương N, sinh năm 2000 (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp của chị N: Bà Dương Thị P
Trú tại: Khu phố 1, phường L, thị xã P, B.
7. Bà Khuất Thị Tuyết H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 3, phường L, thị xã P, Bình Phước.
8. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 2, phường P, thị xã P, Bình Phước.
9. Anh Trần Đình H (Vắng mặt)
Trú tại: Khu phố 6, phường L, thị xã P, Bình Phước.
10. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp 3, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.
11. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 2, phường P, thị xã P, Bình Phước.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn V (D), Nguyễn Công C (C1), Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S (S1) bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ ngày 30/11/2016 đến ngày 19/01/2017, Nguyễn Công C, Cao Thanh S, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn V đã thực hiện các vụ trộm cắp trên địa bàn huyện P, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ, ngày 30/11/2016, C gặp và rủ V đi trộm cắp tài sản thì V đồng ý. C điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh trắng, BKS: 93G1-088.29 mang theo 01 cây sắt hình tròn dài khoảng 20cm chở V đi từ phường P, thị xã P theo đường ĐT 741 xuống xã B, huyện P tìm nhà dân sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản. Trên đường đi C phát hiện nhà ông Lưu Văn T, trú tại: thôn T, xã B huyện P không có người ở nhà nên điều khiển xe đi xuống một đoạn rồi vòng ngược lại dừng trước nhà ông T cho V đứng ngoài cảnh giới, C cầm đoạn sắt tròn dài khoảng 20cm mang theo vào phá khóa cửa chính, phá được khóa cửa, cả hai đột nhập vào nhà tìm kiếm tài sản. Khi lục hết các phòng ngủ ở trong nhà không phát hiện được tài sản gì có giá trị nên cả hai đi ra phòng khách, nhìn thấy ti vi, C và V tháo lấy chiếc tivi hiệu Samsung, màu đen, màn hình 43inch để ở phòng khách rồi đưa ra xe, C điều khiển xe còn V ngồi sau ôm chiếc tivi đi về hướng P, thị xã P. C đưa chiếc tivi trộm cắp được về nhà sử dụng. Khoảng 02 tháng sau, C cùng Nguyễn Khoa P, sinh năm: 1996, HKTT: khu phố 2, phường L, thị xã P chở chiếc tivi trên đi tiêu thụ. C và P chở chiếc tivi này đến bán cho bà Nguyễn Thị Minh H, trú tại: Khu phố 2, phường L, thị xã P được số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền này C chia cho V 2.000.000 đồng, cho Ph 200.000 đồng, số tiền trên C và V tiêu xài cá nhân hết. Ti vi đã thu hồi trả lại cho người bị hại ông Lưu Văn T.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 30/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 28/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận, tại thời điểm ngày 30/11/2016 01 tivi hiệu Samsung màu đen 43inch có giá trị 10.925.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ, ngày 25/12/2016, C, Ch và S uống cà phê tại quán ven đường thuộc phường L, thị xã P thì C rủ Ch, S đi trộm cắp, cả hai đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, màu trắng xanh, biển số 93G1-088.29 chở Ch còn S điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đen (Chưa rõ biển số) đi vòng qua khu vực xã B thuộc huyện Phú Riềng tìm nhà dân sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực thôn B, xã B thì cả ba phát hiện nhà bà Lê Thị Kiều V,

trú tại thôn B, xã B, huyện P khóa cửa, không có người trông coi nên cả ba dừng xe lại để đột nhập vào nhà bà V trộm cắp tài sản. C mở yên xe lấy 01 thanh sắt hình tròn dài khoảng 20cm, sau đó S đứng ngoài cảnh giới còn C và Ch đi vào nhà bà V, dùng thanh sắt cạy cửa trước đột nhập vào nhà bà V lục kiếm tài sản. Cả hai lục lấy được 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell màu đen, cùng cục sạc pin ở tủ nhựa phòng ngủ thứ nhất, Ch bỏ vào giỏ xách máy tính rồi đi ra ngoài, C tiếp tục lục trong tủ lấy được 01 nhẫn vàng loại vàng 18K rồi tẩu thoát đi về nhà C. Ch đưa chiếc máy tính trộm cắp được cầm cho người tên T (Chưa rõ nhân thân) ở thị xã P được 2.000.000 đồng về đưa lại cho C, còn chiếc nhẫn vàng C đưa đến 01 tiệm vàng (Chưa xác định được) ở thị xã P bán được 1.600.000 đồng. Đến ngày hôm sau, cả ba gặp nhau ở thị xã P, C chia cho Ch và S mỗi người 1.200.000 đồng. Số tiền được chia, Ch và S tiêu xài cá nhân hết. Số tài sản trên không thu hồi được.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 25/12/2016 giá trị 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,8 chỉ là 2.740.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell 3558 màu đen 17inch là 12.790.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là : 15.530.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 57/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 18/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: tại thời điểm ngày 25/12/2016, giá trị 01 cục sạc máy tính xách tay hiệu Dell là 400.000 đồng; 01 túi xách máy tính xách tay hiệu Dell là 280.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 680.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ, ngày 19/01/2017, V đang ở nhà nghỉ “Phương Vy” thuộc phường S, thị xã P, Nguyễn Công L (Thường gọi là C), sinh năm 1995, HKTT: Phường L, thị xã P gọi điện thoại rủ V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu trắng xanh (Chưa rõ biển số) đến chở V đi từ thị xã P theo đường ĐT 741 xuống địa bàn huyện P tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường ĐT 741 thuộc thôn T, xã B, huyện P, phát hiện nhà ông Kiều H, trú tại: thôn T, xã B, huyện Phú Riềng không khóa cổng, nhà không có người trông coi nên cả hai đột nhập vào nhà ông H. L điều khiển xe vào sân nhà ông H, V ngồi trên xe cảnh giới còn L cầm thanh sắt tròn dài khoảng 20cm vào phá khóa cửa, khi phá cửa xong L đột nhập vào nhà lấy được 01 tivi hiệu Sony 43inch và 01 máy quay hiệu Panasonic đi ra. L điều khiển xe, V ngồi sau ôm tivi, L để máy quay phim trước ba ga rồi điều khiển xe chở V đi về hướng xã P, sau đó cả hai rẽ vào khu vực nghĩa trang công nhân thuộc xã B và dừng xe lại. V đứng lại trông coi tài sản còn L điều khiển xe mô tô đi mua bìa cát tông và băng keo về, cả

hai đóng gói tivi và máy quay phim vào thùng giấy. Sau khi đóng gói xong, cả hai chở tài sản trộm cắp được ra đường ĐT 741 gửi xe khách “Thành Công” chở về phường P, thị xã P. V gọi điện thoại cho chị ruột mình là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982, HKTT: Xã L, huyện C, tỉnh L hiện đang tạm trú tại phường P, thị xã P ra nhận và đưa về phòng trọ của T. Tài sản trên đã thu hồi trả lại cho bị hại ông Kiều H.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 08/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 19/01/2017, giá trị 01 tivi Led nhãn hiệu Sony KDL 43 W800C, màu đen là 10.400.000 đồng; 01 máy quay phim nhãn hiệu Panasonic AG-DVC7P, màu xám đen là 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 15.400.000 đồng.

Ngoài ra, V còn khai nhận xuống thị xã Đ đột nhập vào nhà dân trộm được 01 chiếc ti vi hiệu Sony 43 inch. Công an huyện P có công văn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ xác minh điều tra theo thẩm quyền (Tivi cơ quan CSĐT công an huyện P thu giữ).

Tại Bản cáo trạng số 40/CTr-VKS ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V (D) tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Công C (C1), Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S (S1) tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 36 tháng đến 40 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công C mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh S mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V (D), Nguyễn Công C (C1), Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S (S1) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại, những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 30/11/2016, Nguyễn Công C cùng Nguyễn Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 tivi hiệu Samsung 43inch màu đen, trị giá 10.925.000 đồng của gia đình ông Lưu Văn T; Ngày 25/12/2016, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,8 chỉ, 01 máy tính xách tay hiệu Dell 3558 màu đen 17inch, 01 cục sạc pin Dell, 01 túi xách máy tính hiệu Dell của gia đình bà Lê Thị Kiều V, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 16.210.000 đồng; Ngày 19/01/2017, Nguyễn Văn V cùng Nguyễn Công L có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 tivi Led nhãn hiệu Sony KDL 43 W800C, màu đen, 01 máy quay phim nhãn hiệu Panasonic AG-DVC7P màu xám đen của gia đình ông Kiều H. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 15.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Văn V có 02 tiền án, cụ thể: Tại bản án số 86/2008/HSST ngày 17/10/2008, Tòa án nhân dân huyện P (Nay là thị xã P) đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Làm hư hỏng tài sản”. Đến ngày 03/01/2009, bị cáo lại thực hiện hành vi cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân thị xã P đã xử phạt bị cáo 07 năm tù tại Bản án số 15/2011/HSST ngày 22/3/2011, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 86/2008/HSST ngày 17/10/2008, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 06 tháng tù. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo V thực hiện ngày 30/11/2016 thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng truy tố bị cáo V tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Ch và Cao Thanh S tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều là đối tượng lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên đã lựa chọn việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là vào ban ngày, các bị cáo lợi dụng các chủ sở hữu tài sản không có nhà đã phá khóa cửa vào nhà trộm cắp tài sản, chứng tỏ hành vi của các bị cáo là vô cùng liều lĩnh và táo bạo, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc lên kế hoạch, phân công vai trò cho nhau mà khi phát hiện có sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo mới cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo C tham gia 02 vụ: Ngày 30/11/2016, tham gia trộm cắp tài sản với bị cáo V và ngày 25/12/2016, tham gia trộm cắp tài sản với các bị cáo Ch, S, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.135.000 đồng. Trong cả hai vụ, bị cáo C đều là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo V, Ch, S trộm cắp tài sản, là người chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi phạm tội và trong cả hai vụ bị cáo C đều là người trực tiếp mang tài sản trộm cắp được mang đi tiêu thụ nên bị cáo C có vai trò cao nhất, do đó phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo V, Ch, S. Các bị cáo V, Ch, S là người thực hành nên có vai trò ngang nhau trong vụ án.

*Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Chung không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo C và bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp 02 vụ, giá trị tài sản mỗi vụ đều trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo S có 01 tiền án nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo C có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Điều này chứng tỏ các bị cáo đều là các đối tượng ham chơi, lười lao động nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương ứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ch phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị

cáo Ch đã tự nguyện bồi thường 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), gia đình bị cáo C đã tự nguyện bồi thường 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) cho người bị hại Lê Thị Kiều V và Huỳnh Vũ Quang D và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, bị cáo Ch được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mẹ bị cáo C – bà Nguyễn Thị Kim C có đơn xin giảm án cho bị cáo vì lý do bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị cáo mất sớm nên không có người dạy dỗ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo C phạm tội do ăn chơi đua đòi, bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đã từng bị chính quyền địa phương áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo không tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt theo đơn yêu cầu của bà C.

Sau khi đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo V (D) và bị cáo C (C1) là có phần chưa nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX chỉ chấp nhận một phần đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Công L tham gia cùng với bị cáo V trộm cắp tài sản ngày 19/01/2017 (Theo lời khai của bị cáo V), qua điều tra, xác minh L không có ở địa phương nên đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phú Riềng tiếp tục điều tra, xác minh đối với L.

Đối với Nguyễn Thị Kim T là người V nhờ nhận và giữ dùm 01 tivi Led nhãn hiệu Sony KDL 43 W800C, màu đen; 01 máy quay phim nhãn hiệu Panasonic AG-DVC7P, màu xám đen, T không biết đó là tài sản phạm tội mà có không đề cập xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Minh H là người mua 01 tivi hiệu Samsung màu đen 43inch mà các bị cáo C và V lấy trộm nhà Lưu Văn T, qua điều tra đã làm rõ bà H không biết đó là tài sản phạm tội mà có, không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Khoa P là người cùng bị cáo C đi bán 01 tivi hiệu Samsung màu đen 43inch mà C và V lấy trộm nhà người bị hại Lưu Văn T. Qua điều tra, bị cáo C khai nhận không nói cho P biết đó là tài sản phạm tội mà có, mặt khác hiện P không có mặt địa phương nên tách ra xử lý sau.

Đối với đối tượng tên T là người cầm 01 máy tính xách tay hiệu Dell lấy trộm nhà người bị hại Lê Thị Kiều V với giá 2.000.000 đồng, qua điều tra chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với bà Võ Thị Kim N là người bị cáo C khai đã mua 01 nhẫn vàng 18k, qua làm việc bà N không thừa nhận việc mua chiếc nhẫn trên của bị cáo C, không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà N nên HĐXX không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với tài sản trộm cắp là một chiếc Tivi Samsung 43inch màu đen do các bị cáo C, V trộm cắp của người bị hại Lưu Văn T ngày 30/11/2016, cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản và trả lại cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với tài sản trộm cắp là 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell màu đen, 01 cục sạc pin máy tính xách tay hiệu Dell, 01 túi máy tính xách tay hiệu Dell, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,8 chỉ do các bị cáo Cường, Chung, Sơn trộm cắp của người bị hại Lê Thị Kiều V và Huỳnh Vũ Quang D ngày 25/12/2016, tổng trị giá tài sản là 16.210.000đ (Mười sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng). Quá trình điều tra, người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền trên. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho người bị hại 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), gia đình bị cáo Ch đã bồi thường cho người bị hại 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền 5.410.000đ (Năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng) còn lại buộc bị cáo S phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Kiều V và ông Huỳnh Vũ Quang D là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với tài sản trộm cắp là 01 tivi hiệu Sony 43 inch và 01 máy quay phim hiệu Panasonic do bị cáo V và Nguyễn Công L trộm cắp của ông Kiều H ngày 19/01/2017, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản và trả lại cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu các bị cáo C, V bồi thường số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu bồi thường của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo C, V phải bồi thường cho bà H số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 cây sắt dài khoảng 20cm mà bị cáo C sử dụng làm phương tiện phạm tội, C đã vớt ở đâu không rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 cây sắt mà bị cáo V và L sử dụng làm phương tiện phạm tội, V khai đã vớt ở khu vực cầu R xã P, huyện Phú Riềng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên HĐXX không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu honda Air Blade, BKS: 93K1- 07782, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là xe của bà Khuất Thị Tuyết H cho L mượn nên ngày 23/3/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Riềng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H nên HĐXX không xem xét

Đối với 01 Ipad màu trắng, màn hình cảm ứng, mà Lê Thị Phương N cho bị cáo C mượn, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của N nên ngày 11/02/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Riềng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho N là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh trắng, BKS: 93G1- 088.29, là xe mô tô bà Nguyễn Thị Kim C cho C mượn, khi C phạm tội bà C không biết. Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản của bà C nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, trả lại cho bà C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô Exciter màu xanh trắng (Không rõ biển số) mà V khai L dùng để chở V đi trộm cắp hiện chưa làm việc được với L, chưa có cơ sở để xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, (Không rõ biển số) mà S sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra S khai nhận mượn của 01 người bạn tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch), cơ quan điều tra công an huyện Phú Riềng đang điều tra xác minh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại hiệu WING T168 màu đỏ nhạt và 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu nâu là hai điện thoại của Võ Tấn T và Nguyễn Văn Q sử dụng làm phương tiện để liên lạc với V chở tivi trộm cắp được ở thị xã Đ, 01 tivi Sony màu đen, 43inch mà V nhờ Q và T chở về xác định V và L trộm cắp ở thị xã Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng đã có văn bản đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Riềng chuyển vật chứng trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đồng Xoài để điều tra xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 khóa “Việt Tiệp” của bà Lê Thị Kiều V không còn giá trị sử dụng, bà V không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo C, V, S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V (tên gọi khác: D), Nguyễn Công C (Tên gọi khác: C1), Nguyễn Văn Ch, Cao Thanh S (Tên gọi khác: S1) phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (Tên gọi khác: D) 04 năm tù. Thời hạn tù tính ngày 09/02/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công C (Tên gọi khác: C1) 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 09/02/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 25/01/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Cao Thanh S (Tên gọi khác: S1) 02 năm tù. Thời hạn tù tính ngày 25/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Cao Thanh S phải bồi thường cho bà Lê Thị Kiều V và ông Huỳnh Vũ Quang D số tiền 5.410.000đ (Năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Công C phải liên đới bồi thường số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Minh H. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường số tiền 2.225.000đ (Hai triệu hai

trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Công C phải bồi thường số tiền 2.225.000đ (Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bà Nguyễn Thị Kim C 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter màu xanh trắng, BKS: 93G1-088.29.

Tịch thu tiêu hủy 01 khóa màu vàng loại khóa Việt Tiệp.

(Tất cả theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0000361 ngày 04/6/2017 giữa Công an huyện Phú Riềng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng).

2. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V (Tên gọi khác: D), Nguyễn Công C (Tên gọi khác: C1), Nguyễn Văn Ch, Cao Thanh S (Tên gọi khác: S1) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V (Tên gọi khác: D), Nguyễn Công C (Tên gọi khác: C1), Cao Thanh S (Tên gọi khác: S1) mỗi bị cáo phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Hải